

Số: /KH-ĐGS

Đồng Tháp, ngày 09 tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH
Giám sát kết quả hoạt động của Tòa án nhân dân năm 2023

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015; Căn cứ Nghị quyết 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân (HĐND) Tỉnh về chương trình giám sát của HĐND tỉnh Đồng Tháp năm 2023.

Thực hiện Kế hoạch số 06/KH-HĐND ngày 04/01/2023 của Thường trực HĐND Tỉnh về kế hoạch thực hiện Chương trình khảo sát, giám sát, chất vấn, giải trình của Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu HĐND Tỉnh năm 2023; Quyết định số 12/QĐ-HĐND ngày 09/10/2023 của Ban Pháp chế HĐND Tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát kết quả hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2023. Đoàn giám sát của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Tỉnh xây dựng Kế hoạch giám sát kết quả hoạt động của Tòa án nhân dân năm 2023 với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nhằm đánh giá kết quả hoạt động của Tòa án nhân dân 02 cấp về thực hiện chức năng, nhiệm vụ; kết quả thực hiện một số quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 và quy định pháp luật khác có liên quan, qua đó, kiến nghị cơ quan được giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan phát huy kết quả đạt được, đồng thời có giải pháp để chấn chỉnh, khắc phục những khó khăn, hạn chế, thiếu sót.

- Kết quả giám sát được báo cáo đến HĐND, Thường trực HĐND Tỉnh theo đúng quy định.

- Hoạt động khảo sát, giám sát phải được thực hiện nghiêm túc, khách quan, tiết kiệm, hiệu quả, không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan được khảo sát, giám sát.

- Các cơ quan được khảo sát, giám sát báo cáo trung thực, khách quan; cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn giám sát và tạo điều kiện thuận lợi khi Đoàn đến làm việc.

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT, GIÁM SÁT

Toà án nhân dân Tỉnh và Toà án nhân dân các huyện, thành phố báo cáo theo Đề cương kèm theo Kế hoạch này.

Ban Pháp chế sẽ nghiên cứu, lựa chọn một số Toà án nhân dân huyện, thành phố để khảo sát, và giám sát trực tiếp tại Toà án nhân dân Tỉnh.

III. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN ĐOÀN GIÁM SÁT

1. Thời gian, địa điểm khảo sát

Thời gian, địa điểm cụ thể sẽ có thông báo sau.

2. Thành phần Đoàn giám sát

Thực hiện theo Quyết định số 12/QĐ-HĐND ngày 09/10/2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành viên Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Tỉnh

Để đợt khảo sát, giám sát đạt hiệu quả, đề nghị thành viên Ban Pháp chế sắp xếp thời gian, công việc tham gia các buổi khảo sát, giám sát theo kế hoạch.

2. Các cơ quan được khảo sát, giám sát

- Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân Tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân các huyện, thành phố xây dựng Báo cáo theo Đề cương và gửi về Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Tỉnh theo địa chỉ: Số 06, đường Đặng Văn Bình, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời, **gửi fileword** qua hộp thư điện tử: phanvannamct@gmail.com; SĐT: 0378 114 755 (đ/c Nam).

- Thời gian gửi báo cáo:

+ Tòa án nhân dân các huyện, thành phố chậm nhất đến **hết ngày 19/10/2023**.

+ Tòa án nhân dân Tỉnh chậm nhất đến **hết ngày 23/10/2023**.

3. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Tỉnh

- Phân công Công chức Phòng Công tác Hội đồng nhân dân tham gia phục vụ Đoàn giám sát chủ; làm đầu mối, chủ động phối hợp với các đơn vị được

chọn khảo sát, giám sát chuẩn bị tài liệu phục vụ hoạt động của đoàn giám sát; kết thúc hoạt động giám sát tổng hợp và dự thảo báo cáo kết quả giám sát theo quy định.

- Đề nghị bố trí phương tiện, kinh phí phục vụ hoạt động Đoàn giám sát.

Trên đây là kế hoạch của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát kết quả hoạt động của Tòa án nhân dân năm 2023./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND Tỉnh (*báo cáo*);
- BTT UBMTTQVN Tỉnh;
- Ủy viên Ban Pháp chế HĐND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban KT-NS, VH-XH HĐND Tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Tỉnh;
- Tòa án nhân dân Tỉnh;
- Thường trực HĐND, BPC HĐND huyện, thành phố;
- Tòa án nhân dân huyện, thành phố;
- Báo Đồng Tháp, Đài PT-TH Đồng Tháp (*đưa tin*);
- Lưu: VT, BPC, Phòng Công tác HĐND(PVN).

**TM. BAN PHÁP CHẾ
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Hữu Đức

Đề cương
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA
TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-ĐGS ngày /10/2023
của Đoàn giám sát về giám sát kết quả hoạt động
của Tòa án nhân dân năm 2023)

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH VÀ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, QUẢN TRIỆT CÁC VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG, CỦA NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2023 (trừ các nội dung tại Mục III)

1. Thụ lý, giải quyết các loại án; án đình chỉ, tạm đình chỉ, bị hủy, sửa¹
2. Thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu của ngành
3. Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo
4. Công tác tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiểm tra, thi hành án hình sự
5. Công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc của Chánh án trong nội bộ cơ quan và giữa Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới
6. Công tác Hội thẩm nhân dân
7. Các mặt công tác khác: mối quan hệ với cấp ủy, chính quyền địa phương; tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất; ứng dụng công nghệ thông tin; tuyên truyền, phổ biến pháp luật...
8. Hạn chế, khó khăn và đề xuất, kiến nghị

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Kết quả thực hiện Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án trong năm 2023
 - a) Số lượng vụ việc, tỷ lệ
 - b) Kinh phí được phân bổ và kinh phí đã chi cho công tác Hòa giải, đối thoại tại Tòa án
 - c) Trang bị cơ sở, vật chất phục vụ công tác Hòa giải, đối thoại tại Tòa án
 - d) Công tác Hòa giải viên: số lượng hiện có, số lượng bổ sung mới (nếu có), đánh giá chất lượng...
 - e) Hỗ trợ của Tòa án nhân dân cho đội ngũ Hòa giải viên

¹ Cụ thể số lượng; phân loại và nguyên nhân án đình chỉ, tạm đình chỉ, bị hủy, sửa;

Cụ thể số lượng và nguyên nhân án tạm đình chỉ trong giai đoạn 03 tháng cuối năm theo thời gian báo cáo của ngành.

g) Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

h) Đề xuất, kiến nghị

2. Công tác phối hợp với các cơ quan có liên quan, phối hợp liên ngành

a) Phối hợp cơ quan đăng ký đất đai trong cung cấp thông tin phục vụ xét xử

b) Công tác phối hợp cung cấp thông tin và hỗ trợ của chính quyền địa phương

c) Công tác phối hợp với Cơ quan thi hành án dân sự (khi có yêu cầu) để giải quyết sớm các án phân chia, tranh chấp tài sản mà Cơ quan thi hành án dân sự đang chờ kết quả giải quyết; việc thống nhất cách tuyên án

d) Công tác phối hợp với các cơ quan khác có liên quan

đ) Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

e) Đề xuất, kiến nghị

3. Số lượng vụ án, vụ việc dân sự đã thụ lý từ **12** tháng trở lên nhưng đến nay chưa giải quyết xong

a) Số lượng vụ việc

b) Kết quả giải quyết so với năm 2022

c) Phân loại một số loại vụ việc cụ thể và đánh giá nguyên nhân (*kèm theo danh sách*)

d) Trách nhiệm của Chánh án/lãnh đạo trực tiếp phục trách trong chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải quyết; cách hình thức xử lý trách nhiệm (nếu có)

đ) Hạn chế, khó khăn và đề xuất, kiến nghị

4. Công tác thụ lý, giải quyết án hành chính (*tổng hợp số liệu các năm 2020, 2021, 2022, và tách riêng số liệu năm 2023*)

a) Số lượng thụ lý, giải quyết chung

b) Kết quả giải quyết chung

c) Số lượng vụ án hành chính có nội dung khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân đã được Tòa án các cấp thụ lý, giải quyết:

- Số vụ án hành chính đã giải quyết theo thủ tục sơ thẩm

- Số vụ án có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm và số vụ án hành chính đã giải quyết theo thủ tục phúc thẩm

- Tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa do nguyên nhân chủ quan

d) Kết quả giải quyết, xét xử các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân

(Tòa án nhân dân Tỉnh tách riêng số liệu cấp xã, huyện, tỉnh đối với nội dung này):

- Số vụ án được tổ chức đối thoại; tỷ lệ đối thoại thành; trách nhiệm và việc tham gia đối thoại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (hoặc người đại diện); đánh giá

- Số vụ án không tổ chức đối thoại được do người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (hoặc người đại diện) vắng mặt

- Số phiên tòa bị hoãn do người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (hoặc người đại diện) vắng mặt

- Số phiên tòa đã xét xử nhưng vắng mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (hoặc người đại diện)

- Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong việc xác minh, thu thập chứng cứ; trách nhiệm cung cấp cho Tòa án hồ sơ, văn bản, tài liệu có liên quan...

- Những khó khăn trong việc giải quyết các vụ án hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân (hoặc người đại diện) vắng mặt

- Số lượng quyết định hành chính trái pháp luật bị Tòa án tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ/tổng số các quyết định hành chính bị khiếu kiện (tính theo số đã có hiệu lực pháp luật)

- Số lượng hành vi hành chính bị Tòa án tuyên bố là trái pháp luật/ tổng số các hành vi hành chính bị khiếu kiện (tính theo số đã có hiệu lực pháp luật)

đ) Số lượng bản án có tuyên trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính theo quy định của pháp luật về bồi thường của Nhà nước và pháp luật tố tụng dân sự (nếu có)

e) Số lượng quyết định buộc thi hành bản án, quyết định của Tòa án

g) Công tác phối hợp giải thích bản án, quyết định của Tòa án (số lượng các bản án đã được giải thích/tổng số yêu cầu; số chưa được giải thích và lý do)

h) Đánh giá tính chấp hành pháp luật tố tụng hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp (hoặc người đại diện)

i) Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân:

- Số phiên tòa sơ thẩm vắng mặt Kiểm sát viên/tổng số phiên tòa sơ thẩm

- Tỷ lệ kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân được Tòa án chấp nhận; tỷ lệ kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân trong tổng số bản án bị Tòa án tuyên hủy

- Tổng số kiến nghị của Viện kiểm sát với Tòa án về việc khắc phục vi phạm pháp luật trong việc giải quyết, xét xử loại án này và kết quả thực hiện kiến nghị

k) Hạn chế, khó khăn và đề xuất, kiến nghị

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHỮNG KIẾN NGHỊ, KẾT LUẬN QUA GIÁM SÁT

1. Kết quả thực hiện đối với những kiến nghị của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Tỉnh tại Báo cáo số 530/BC-HĐND ngày 21/11/2022 về báo cáo kết quả giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân Tỉnh năm 2022.

2. Trách nhiệm của Chánh án trong chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và phối hợp thực hiện các kiến nghị

3. Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

4. Đề xuất, kiến nghị./.

*** Lưu ý:**

(1) Tòa án nhân dân huyện, thành phố báo cáo tại **từ mục I) đến mục III).**

(2) Tòa án nhân dân Tỉnh báo cáo **đầy đủ** theo đề cương, **tách riêng** số liệu cấp huyện, tỉnh.